

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
TẠI 0H NGÀY 01 THÁNG 11 NĂM 2024
(THỜI ĐIỂM HỢP NHẤT DOANH NGHIỆP)



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt (sau đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Bảng cân đối kế toán tại 0h ngày 01/11/2024 (thời điểm hợp nhất doanh nghiệp) của Công ty đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt được thành lập và hoạt động từ ngày 01/11/2024 dựa trên cơ sở hợp nhất 02 doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn theo văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 07/04/2024 của Thủ tướng chính phủ về phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và thông báo số 141/TB/ĐU ngày 04/05/2022 của Đảng ủy của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và các văn bản chỉ đạo của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0110879376 ngày 01/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu ngày 01/11/2024, vốn điều lệ của Công ty là 1.303.689.700.000 đồng được chia thành 130.368.970 cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty tại ngày hợp nhất và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Hoan	Chủ tịch	(i)
Ông Đào Anh Tuấn	Thành viên	(i)
Ông Nguyễn Văn Khiên	Thành viên	(i)
Ông Thái Văn Truyền	Thành viên	(i) Miễn nhiệm ngày 06/12/2024
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên	(ii)
Ông Hà Trọng Thắng	Thành viên	(ii)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01-24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01-24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/12/2024 Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt.

Ban Kiểm soát

Bà Vương Phương Thảo	Trưởng ban	(i)
Ông Lê Trần Hùng	Thành viên	(i)
Ông Vũ Đình Điệp	Thành viên	(i)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	(iii)
Ông Thái Văn Truyền	Phó Tổng Giám đốc	(iv)
Ông Trần Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	(v)
Ông Nguyễn Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc	(vi)
Ông Mai Thế Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	(vii)
Ông Hà Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	(viii)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc (tiếp)

- (iii) Theo Quyết định số 39/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Quản trị;
- (iv) Theo Quyết định số 42/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Quản trị, miễn nhiệm ngày 06/12/2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01-24/NQ – ĐHĐCĐ;
- (v) Theo Quyết định số 46/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Quản trị;
- (vi) Theo Quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Quản trị;
- (vii) Theo Quyết định số 52/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Quản trị;
- (viii) Theo Nghị quyết số 01-24/NQ – ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông.

Kế toán trưởng

Ông Lương Văn Chiến Kế toán trưởng (vii)

- (ix) Theo Quyết định số 45/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Anh Tuấn Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU THỜI ĐIỂM HỢP NHẤT DOANH NGHIỆP

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau thời điểm 0h ngày 01/11/2024 có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bảng cân đối kế toán này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Bảng cân đối kế toán tại 0h ngày 01/11/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Bảng cân đối kế toán tại 0h ngày 01/11/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại 0h ngày 01/11/2024. Trong việc lập Bảng cân đối kế toán này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Bảng cân đối kế toán hay không;
- Lập và trình bày Bảng cân đối kế toán trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán;
- Lập Bảng cân đối kế toán trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Bảng cân đối kế toán tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Bảng cân đối kế toán tại 0h ngày 01/11/2024 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ý KIẾN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại 0h ngày 01/11/2024 và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đào Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Số: 35/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại 0h ngày 01/11/2024 của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt (sau đây được gọi là “Công ty”) và bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thông tin thuyết minh khác kèm theo, được lập ngày 10 tháng 01 năm 2025, từ trang 7 đến trang 29 kèm theo (sau đây gọi là “Bảng cân đối kế toán”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Bảng cân đối kế toán dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Bảng cân đối kế toán của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Bảng cân đối kế toán. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Bảng cân đối kế toán do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Bảng cân đối kế toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Bảng cân đối kế toán đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt tại 0h ngày 01/11/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số IV.2 – Giả định hoạt động liên tục thuộc phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó trình bày thông tin về: Tại ngày 01/11/2024, tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 284.970.529.646 đồng, lỗ lũy kế của Công ty là 624.195.888.096 đồng. Vấn đề này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày tại Thuyết minh số IV.2.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Hà Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Ngô Anh Dũng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5215-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại 0h ngày 01 tháng 11 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	01/11/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		631.632.388.491
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	216.244.601.438
Tiền	111		146.244.601.438
Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		112.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	112.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.703.194.853
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	138.071.106.566
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.201.607.750
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	37.676.357.194
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(56.245.876.657)
Hàng tồn kho	140	V.7	156.040.960.850
Hàng tồn kho	141		162.373.261.318
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.332.300.468)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.643.631.350
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	8.854.765.160
Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.620.194
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	4.757.245.996
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.651.823.917.656
Các khoản phải thu dài hạn	210		404.076.208
Phải thu dài hạn khác	216		404.076.208
Tài sản cố định	220		1.511.482.196.735
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.504.518.355.983
- Nguyên giá	222		6.101.869.726.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.597.351.370.567)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.963.840.752
- Nguyên giá	228		9.788.421.630
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.824.580.878)
Bất động sản đầu tư	230	V.11	3.539.781.507
- Nguyên giá	231		60.325.409.063
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(56.785.627.556)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.571.812.003
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	3.571.812.003
Đầu tư tài chính dài hạn	250		753.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	V.2	753.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		132.073.051.203
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	132.073.051.203
TỔNG TÀI SẢN	270		2.283.456.306.147

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại 0h ngày 01 tháng 11 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	01/11/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.599.343.684.366
Nợ ngắn hạn	310		916.602.918.137
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	285.865.244.470
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	5.012.261.156
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	76.317.352.493
Phải trả người lao động	314		207.601.760.638
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	8.553.907.180
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	199.562.749.160
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	37.744.344.164
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	95.811.688.660
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		37.610.216
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		96.000.000
Nợ dài hạn	330		682.740.766.229
Phải trả dài hạn khác	337	V.18	1.894.068.450
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	680.846.697.779
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		684.112.621.781
Vốn chủ sở hữu	410	V.20	684.112.621.781
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.303.689.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.303.689.700.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.618.809.877
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(624.195.888.096)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(750.416.324.604)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		126.220.436.508
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.283.456.306.147

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Đới Văn Toàn

Lương Văn Chiến

Đào Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Luật Doanh nghiệp do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm cổ phần chi phối, trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn, căn cứ văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 07/04/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và thông báo số 141/TB/ĐU ngày 4/5/2022 của Đảng ủy của Công ty Đường sắt Việt Nam và các văn bản chỉ đạo của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0110879376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/11/2024.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của Công ty là 1.303.689.700.000 VND được chia thành 130.368.970 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số cán bộ nhân viên Công ty tại ngày 01/11/2024 là 4.882 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường sắt: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Vận tải hàng hóa đường sắt: Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện và thiết bị vận tải;
- Các dịch vụ khác liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chuyên chở hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa bằng đường sắt;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng, kho hàng, bãi hàng, bãi đỗ xe, ki ốt, các cơ sở hạ tầng phục vụ văn hóa, thể thao;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, lưu kho, bảo quản hàng hóa;
- Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn;
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp các dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và các dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại 0h ngày 01/11/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Đoàn tiếp viên Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Đoàn tiếp viên Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Toa xe Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt, sửa chữa toa xe
Chi nhánh Toa xe Vinh	Tỉnh Nghệ An	Dịch vụ sửa chữa toa xe
Chi nhánh Toa xe Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Dịch vụ sửa chữa toa xe
Chi nhánh Toa xe Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ sửa chữa toa xe
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đông Anh	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Hải Phòng	TP. Hải Phòng	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Vinh	Tỉnh Nghệ An	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Huế	Tỉnh Quảng Bình	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Nha Trang	TP. Nha Trang	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sóng Thần	Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Dịch vụ Vận tải Đa phương thức	TP. Hà Nội	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Bảng cân đối kế toán kèm theo được lập tại 0h ngày 01/11/2024.

2. Đơn vị tiền tệ

Bảng cân đối kế toán được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu bằng đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Bảng cân đối kế toán của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**1. Cơ sở lập Bảng cân đối kế toán**

Bảng cân đối kế toán kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bảng cân đối kế toán kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

. Bảng cân đối kế toán này của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn. Số dư giữa hai Công ty được loại trừ khi lập Bảng cân đối kế toán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***2. Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 01/11/2024, tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 284.970.529.646 đồng, lỗ lũy kế nhận từ việc hợp nhất của hai Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn là: 624.195.888.096 đồng, trong đó: Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội là: 313.935.394.400 đồng và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn là: 310.260.493.696 đồng). Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách, hàng hóa trên tuyến đường sắt quốc gia, với hoạt động đặc thù này, Công ty đang từng bước cải thiện tình hình kinh doanh: doanh thu tăng trưởng và kinh doanh có lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh; các hoạt động đầu tư, cải tiến năng lực vận tải đang tiếp tục triển khai cùng với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (cổ đông chiếm 87,27% vốn điều lệ) và Bộ Giao thông Vận tải.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Bảng cân đối kế toán tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Bảng cân đối kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư và công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng; đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và không điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp)**

Nhóm tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	5

Các khoản lãi, lỗ khi phát sinh thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Theo Công văn số 2480/BTC-TCĐN ngày 05/3/2019 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính thống nhất việc điều chỉnh thời gian trích khấu hao của 250 toa xe chở container (mới) tối đa là 30 năm và 60 toa xe khách (mới) tối đa là 25 năm đối với Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội (trước hợp nhất) trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2023 (thời điểm Công ty phải thanh lý hết số toa xe cũ hết niên hạn sử dụng). Việc kéo dài thời gian trích khấu hao của tài sản cố định là toa xe bảo đảm các quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, đồng thời đảm bảo kinh doanh có lãi và nguồn vốn để thanh toán nợ.

Áp dụng Công văn trên, Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội đã thực hiện điều chỉnh thời gian trích khấu hao của 250 toa xe chở container (mới) và 60 toa xe khách (mới) là 20 năm, áp dụng bắt đầu từ năm 2019 (thời gian khấu hao của các toa xe trên trong kỳ 2018 trở về trước là 15 năm). Tổng giá trị khấu hao chênh lệch lũy kế do áp dụng thay đổi thời gian khấu hao nêu trên sẽ được trích khấu hao bổ sung trong các năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2024.

- Theo Công văn số 1479/BTC-TCĐN ngày 14/02/2020 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính thống nhất việc điều chỉnh thời gian trích khấu hao của 50 toa xe chở container (mới) tối đa không quá 30 năm và 90 toa xe khách (mới) tối đa không quá 25 năm đối với Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (trước hợp nhất) trong thời gian từ năm 2019 đến hết năm 2023. Việc kéo dài thời gian trích khấu hao của tài sản cố định là toa xe (mới) phải bảo đảm không làm thay đổi kết quả kinh doanh từ lãi thành lỗ hoặc ngược lại tại năm quyết định thay đổi theo quy định tại tiết c khoản 3 điều 10 Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, đồng thời đảm bảo trả nợ vay theo đúng hợp đồng tín dụng và thời hạn đã cam kết.

Áp dụng Công văn trên, Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn đã thực hiện điều chỉnh thời gian trích khấu hao của 50 toa xe chở container (mới) là 30 năm và 90 toa xe khách (mới) là 25 năm, áp dụng bắt đầu từ năm 2019 (thời gian khấu hao của các toa xe trên trong kỳ 2018 trở về trước là 15 năm). Tổng giá trị khấu hao chênh lệch lũy kế do áp dụng thay đổi thời gian khấu hao nêu trên sẽ được trích khấu hao bổ sung trong các năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2024.

9. Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Các tài sản cố định vô hình này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện

Bao gồm các khoản chi phí trực tiếp đã phát sinh trong quá trình bán vé tàu như: Hoa hồng các đại lý bán vé, chi phí sử dụng phần mềm bán vé điện tử, chi phí in ấn hóa đơn, phôi vé, phiếu lên tàu và các chi phí khác phát sinh khác (không bao gồm các chi phí bảo hiểm, kinh phí công đoàn, chi phí khấu hao, chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí thuê đất và sử dụng đất) tại chi nhánh vận tải tương ứng với phần doanh thu bán vé chưa thực hiện vận tải.

Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng

Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm (đối với chi phí trả trước ngắn hạn) và từ một năm trở lên (đối với chi phí trả trước dài hạn).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm. Công ty thực hiện phân bổ theo ngày kể từ ngày toa xe nghiệm thu hoàn thành ra xưởng và sẵn sàng đưa vào sử dụng, với ước tính tổng thời gian phân bổ là 03 năm (tương ứng 1.095 ngày), giá trị phân bổ được tính theo số ngày phân bổ trong kỳ.

Các khoản chi phí trả trước khác

Được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

12. Nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tại ngày 01/11/2024, Công ty còn khoản lỗ còn được chuyển là 398.304.992.703 đồng (từ hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội là: 172.889.116.690 đồng, Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn là: 225.415.876.013 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 0h ngày 01/11/2024
	VND
Tiền mặt	9.742.817.794
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	136.481.416.756
Tiền đang chuyển	20.366.888
Các khoản tương đương tiền (*)	70.000.000.000
Cộng	216.244.601.438

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 03 tháng, hưởng lãi suất 2,3%/năm tại các ngân hàng thương mại.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại 0h ngày 01/11/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	112.000.000.000	112.000.000.000
Cộng	112.000.000.000	112.000.000.000

(*) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng, hưởng lãi suất 5,18%/năm tại các ngân hàng thương mại.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại 0h ngày 01/11/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	738.400.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	14.600.000	-	(*)
Cộng	753.000.000	-	-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Bảng cân đối kế toán do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này. Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮTSố 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 – DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Tại 0h ngày 01/11/2024 VND
Phải thu các bên liên quan	19.614.692.428
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	9.489.953.924
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	9.181.684.142
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	436.573.376
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	230.139.928
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	202.482.440
- Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	61.046.784
- Ban quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 1	11.064.434
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn	1.747.400
Phải thu các khách hàng khác	118.456.414.138
- Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	65.743.473.798
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đường sắt Đông Dương	38.834.820.874
- Các đối tượng khác	13.878.119.466
Cộng	138.071.106.566

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại 0h ngày 01/11/2024 VND
Trả trước cho các bên liên quan	999.451.053
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	819.451.053
- Trường Cao đẳng Đường sắt	180.000.000
Trả trước cho người bán khác	13.202.156.697
- Công ty TNHH Điện máy Chiến Thắng N.G	4.193.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải	886.315.190
- Các nhà cung cấp khác	8.122.841.507
Cộng	14.201.607.750

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại 0h ngày 01/11/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ký cược, ký quỹ	2.560.815.169	-
- Tạm ứng	1.092.379.347	-
- Phải thu Bảo hiểm xã hội	623.900	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	34.022.538.778	7.260.231.292
+ Sự cố sập Cầu Ghềnh 2016	4.729.141.376	4.729.141.376
+ Các đối tác thu hộ tiền bán vé Online	3.931.818.351	-
+ Lãi tiền gửi tính trước hạn (tính đến kỳ lập BCTC)	2.199.194.520	-
+ Phải thu khác	23.162.384.531	2.531.089.916
Cộng	37.676.357.194	7.260.231.292

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮTSố 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 – DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nợ xấu

	Tại 0h ngày 01/11/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể VND
Các tổ chức và cá nhân khác	59.937.920.321	3.692.043.664
- Công ty Cổ phần dịch vụ Đường sắt Khu vực I	9.489.953.924	-
- Sự cố sập Cầu Ghềnh 2016	4.729.141.376	-
- Sự cố tai nạn tàu SE2 năm 2018	1.704.551.200	-
- Sự cố chạy tàu SE 19 năm 2017	826.538.716	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải	617.571.320	-
- Công ty Cổ phần DAP2	285.224.900	-
- Công ty Cổ phần Bê tông Bào Quân Vĩnh Phúc	186.459.800	-
- Công ty CP Đầu tư TM và Đường sắt Đông Dương	38.344.620.257	3.692.043.664
- Công ty TNHH ĐT&PT Bất động sản Bình Minh	3.518.238.828	-
- Các đối tượng khác	235.620.000	-
Cộng	59.937.920.321	3.692.043.664

7. Hàng tồn kho

	Tại 0h ngày 01/11/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	139.122.025.723	(6.332.300.468)
- Công cụ, dụng cụ	1.181.164.152	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.826.392.669	-
- Thành phẩm	710.327.439	-
- Hàng hóa	533.351.335	-
Cộng	162.373.261.318	(6.332.300.468)

8. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Tại 0h ngày 01/11/2024 VND
- Chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện	3.547.285.742
- Chi phí mua bảo hiểm tài sản	874.024.163
- Công cụ, dụng cụ	340.507.000
- Chi phí thuê nhà, đất	984.540.174
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.108.408.081
Cộng	8.854.765.160

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại 0h ngày 01/11/2024 VND
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	118.643.408.642
- Công cụ, dụng cụ	297.560.965
- Chi phí thuê đất 50 năm trả 1 lần	1.643.360.831
- Chi phí trả trước dài hạn khác	11.488.720.765
Cộng	132.073.051.203

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, Thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 0h ngày 01/11/2024	132.214.729.741	378.860.029.964	5.580.739.723.678	10.025.243.167	30.000.000	6.101.869.726.550
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 0h ngày 01/11/2024	(109.273.534.555)	(345.981.546.542)	(4.132.649.426.394)	(9.416.863.076)	(30.000.000)	(4.597.351.370.567)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 0h ngày 01/11/2024	22.941.195.186	32.878.483.422	1.448.090.297.284	608.380.091	60.000.000	1.504.518.355.983

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 01/11/2024 là 3.191.788.100.309 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 01/11/2024 là 1.342.555.275.397 đồng.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 0h ngày 01/11/2024	8.416.285.868	1.225.135.762	147.000.000	9.788.421.630
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại 0h ngày 01/11/2024	(1.653.910.878)	(1.023.670.000)	(147.000.000)	(2.824.580.878)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 0h ngày 01/11/2024	6.762.374.990	201.465.762	-	6.963.840.752

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 01/11/2024 là 716.400.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. Bất động sản đầu tư

Tại 0h ngày
01/11/2024

VND

NGUYÊN GIÁ

- Nhà cửa, vật kiến trúc

60.325.409.063

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

- Nhà cửa, vật kiến trúc

(56.785.627.556)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

- Nhà cửa, vật kiến trúc

3.539.781.507

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại 0h ngày
01/11/2024

VND

Mua sắm mới tài sản cố định

228.728.704

Xây dựng cơ bản dở dang

2.924.402.139

Dự án "Nâng cấp cải tạo 08 toa xe khách"

609.673.500

- Năm 2024 - Nhận BG từ SG

Lò xo Cao su TTCK TC - Công ty VTHH

2.314.728.639

Bàn giao - Cty Sài Gòn

Sửa chữa lớn TSCĐ

418.681.160

Cộng

3.571.812.003

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮTSố 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 – DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại 0h ngày 01/11/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	119.578.319.145	119.578.319.145
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	109.798.793.994	109.798.793.994
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Sài Gòn	767.405.135	767.405.135
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	797.050.501	797.050.501
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	418.925.085	418.925.085
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Hà Thái Hải	80.855.041	80.855.041
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Hà Nội	31.187.504	31.187.504
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp Đầu máy Vinh	25.517.160	25.517.160
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác Đường sắt Hà Lạng	8.350.560	8.350.560
- Công ty Cổ phần Xe Lửa Gia Lâm	4.422.917.173	4.422.917.173
- Công ty Cổ phần Đường sắt Yên Lào	521.273.200	521.273.200
- Công ty Cổ phần Xe Lửa Dĩ An	2.070.568.792	2.070.568.792
- Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	209.625.000	209.625.000
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	294.000.000	294.000.000
- Trường Cao đẳng Đường sắt	102.600.000	102.600.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Trung tâm y tế Đường sắt	29.250.000	29.250.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	166.286.925.325	166.286.925.325
- Công ty TNHH Vận tải Thuận Việt	16.430.510.686	16.430.510.686
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dương Đông	6.897.484.477	6.897.484.477
- Công ty TNHH Thương Mại & Tư Vấn Kiến Trúc - Mỹ Thuật Nam Việt	4.875.909.326	4.875.909.326
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	4.391.313.381	4.391.313.381
- Các đối tượng khác	133.691.707.455	133.691.707.455
Cộng	285.865.244.470	285.865.244.470

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại 0h ngày 01/11/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND
Trả trước của các bên liên quan	79.035.000	79.035.000
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	6.418.000	6.418.000
- Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam	16.941.000	16.941.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	55.676.000	55.676.000
Người mua trả tiền trước khác	4.933.226.156	4.933.226.156
- Công ty TNHH Du lịch PYS	1.771.562.320	1.771.562.320
- Công ty TNHH Tập đoàn TIIM	576.389.000	576.389.000
- Các đối tượng khác	2.585.274.836	2.585.274.836
Cộng	5.012.261.156	5.012.261.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Tại 0h ngày 01/11/2024	
	Phải thu VND	Phải nộp VND
- Thuế GTGT	44.333.226	7.845.901.249
- Thuế TNDN	2.391.850.416	-
- Thuế TNCN	2.289.694.611	1.295.157.620
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	31.367.743	57.058.535.524
- Các khoản phí, lệ phí	-	10.117.758.100
Cộng	4.757.245.996	76.317.352.493

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại 0h ngày 01/11/2024 VND
- Chi phí lãi vay dự án đầu tư đã hoàn thành - Chưa đến hạn	484.562.698
- Phí điều hành Giao thông vận tải	4.943.016.000
- Tiền thuê đất, thuê mặt bằng	1.928.346.400
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.197.982.082
Cộng	8.553.907.180

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại 0h ngày 01/11/2024 VND
- Doanh thu bán vé chưa thực hiện	198.957.553.000
- Doanh thu chưa thực hiện khác	605.196.160
Cộng	199.562.749.160

18. Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại 0h ngày 01/11/2024 VND
- Kinh phí công đoàn	4.519.410
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.160.400.383
- BHXH, BHYT, BHTN	365.056
- Thuế TNCN	2.271.174.488
- Các khoản phạt nộp chậm tiền thuê SD đất	7.108.286.344
- Các khoản phải trả khác	24.199.598.483
+ Công ty TNHH TM&VC hàng hoá Ý Minh	18.267.444.877
+ Tiền thừa giấy báo thu	1.178.388.511
+ Hành khách bảo lưu tiền vé - giai đoạn dịch Covid	938.045.000
+ Các khoản phải trả khác ngắn hạn	3.815.720.095
Cộng	37.744.344.164

b. Phải trả dài hạn khác

	Tại 0h ngày 01/11/2024 VND
- Ký cược, ký quỹ	1.894.068.450
Cộng	1.894.068.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

Tại 0h ngày 01/11/2024		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	95.811.688.660	95.811.688.660
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>95.811.688.660</i>	<i>95.811.688.660</i>
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	22.390.784.340	22.390.784.340
- CN Hà Nội (1)		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	21.569.540.000	21.569.540.000
- CN Hải Phòng (2)		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	16.504.000.000	16.504.000.000
- CN Hải Phòng (3)		
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (4)	14.681.280.000	14.681.280.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	11.818.800.000	11.818.800.000
- Chi nhánh 3 TP. Hồ Chí Minh (5)		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.847.284.320	8.847.284.320
- CN Hà Thành (6)		
b) Vay dài hạn	680.846.697.779	680.846.697.779
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	180.398.788.470	180.398.788.470
- CN Hà Nội (1)		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	136.697.681.041	136.697.681.041
- CN Hải Phòng (2)		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	139.161.481.571	139.161.481.571
- CN Hải Phòng (3)		
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (4)	106.476.080.000	106.476.080.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	82.723.529.415	82.723.529.415
- Chi nhánh 3 TP. Hồ Chí Minh (5)		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	35.389.137.282	35.389.137.282
- CN Hà Thành (6)		
Cộng	776.658.386.439	776.658.386.439

(1) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (trước đây là Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội) bao gồm 02 khoản vay theo các hợp đồng:

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 108.1866/2017/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 19/10/2017 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức cho vay là 270.000.000.000 đồng nhưng không vượt quá 85% tổng mức đầu tư trước thuế của dự án “Đóng mới 30 toa xe khách”. Thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo quy định của PG Bank tại thời điểm giải ngân chi tiết theo từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán và thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 30 toa xe. Phương thức cho vay từng lần theo dự án đầu tư. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Quyền sở hữu và thế chấp bảo hiểm toàn bộ của 30 toa xe khách hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng số 06/2017/VTHN-XLDA-ĐTSC-TXHP- XLGL ký ngày 18/8/2017 giữa bên vay và Liên danh nhà thầu bao gồm: Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An, Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm, Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng và Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 108.1369/2020/HĐTD-PN/PGBankHN ngày 31/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội. Số tiền cho vay là 92.600.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo quy định của PG Bank tại thời điểm giải ngân chi tiết theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán và thanh toán bù đắp chi phí đóng mới 100 toa xe H khổ đường 1000mm. Phương thức cho vay từng lần theo dự án đầu tư. Biện pháp bảo đảm tiền vay: 100 toa xe H khổ đường 1000mm hình thành từ vốn vay thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình “Đóng mới toa xe hàng - 100 toa xe H khổ đường 1000mm” theo Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 01/7/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội về việc phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng công trình “Đóng mới toa xe hàng - 100 toa xe H khổ đường 1000mm”.

(2) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 02 khoản vay theo các hợp đồng:

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2018/VCB-ĐSHN ngày 23/7/2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Mục đích để thanh toán cho dự án đóng mới 30 toa xe thuộc dự án “Đầu tư mới 30 toa xe khách vận chuyển trên tuyến Hà Nội - Hồ Chí Minh”. Thời hạn cho vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất năm đầu tiên là 9%/năm, lãi suất từ năm thứ 2 trở đi là bình quân lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả sau của 3 ngân hàng: Vietinbank, BIDV và Vietcombank + biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01/2018/VCB-ĐSHN-PTGT ngày 23/7/2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng;

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2019/VCB-ĐSHN ngày 20/02/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Mục đích để thanh toán cho dự án cải tạo nâng cấp 30 toa xe khách. Hạn mức cho vay là 76.823.000.000 đồng. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 9%/năm sau đó được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo thông báo của ngân hàng và thực hiện theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả sau bình quân của 3 ngân hàng: VietinBank, BIDV và Vietcombank trong từng thời kỳ + 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường sắt số 01.2019/HĐTC/VCB-ĐSHN ngày 20/02/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

(3) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, theo:

- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01.2018/HĐCV/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018. Hạn mức tín dụng: 216.810.000.000 đồng giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;

Mục đích vay là để thực hiện dự án “Đầu tư mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018 –2020 theo quyết định số 408/QĐ-HĐQT ngày 16/07/2018; thời hạn vay: 180 tháng; với mức lãi suất được quy định trên từng khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo là 30 toa xe khách hình thành trong tương lai thuộc dự án “Đầu tư mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018 - 2020 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường sắt 01.2018/HĐTC/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018.

- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 02.2018/HĐCV/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018. Hạn mức tín dụng: 45.000.000.000 đồng;

Mục đích vay là để thực hiện dự án “Đầu tư mới 50 toa xe Mc năm 2018; thời hạn vay 180 tháng; với mức lãi suất được quy định trên từng khế ước nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

Tài sản đảm bảo là 50 toa xe hàng hình thành trong tương lai thuộc dự án “Đầu tư mới 50 toa xe Mc năm 2018 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường sắt số 02.2018/HĐTC/VCB-ĐSSG ngày 20/12/2018.

(4) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển (được đổi tên từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 441.0005/2018/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 17/01/2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển. Hạn mức tín dụng: 220.000.000.000 đồng;

Mục đích vay là để thanh toán và bù đắp chi phí đầu tư 30 toa xe tàu khách; thời hạn vay: 15 năm; với mức lãi suất được quy định trên từng khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo là 30 toa xe tàu khách mua mới theo hợp đồng thế chấp tài sản số 441.005/2018/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 17/01/2018, bao gồm: 16 toa xe giường nằm (ANL28), 08 toa xe giường cứng (BNL42), 02 toa xe ngồi mềm (AL56), 02 toa xe hàng cơm, 02 toa xe công vụ phát điện (CV-PD).

(5) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 3 Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay dự án đầu tư số 01/2017-HĐCVDADT/NHCT906-DUONGSATSG ngày 24/10/2017 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng,

Mục đích vay là để thanh toán các chi phí đầu tư của dự án đầu tư mới 30 toa xe khách; thời hạn vay: 15 năm, với mức lãi suất được quy định trên từng khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo là 30 toa xe mua của Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017-HĐTC/NHTC906-DUONGSATSG ngày 24/10/2017, bao gồm: 12 toa xe giường nằm lạnh 28 giường (ANL28), 10 toa xe ngồi mềm lạnh (AL56), 04 toa xe giường nằm lạnh 42 giường, 02 toa xe công vụ phát điện và 02 toa xe hàng cơm.

(6) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3855530/HĐTD ngày 30/8/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Mục đích để thanh toán cho dự án hoàn cải, nâng cấp 45 toa xe khách. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 9%/năm sau đó được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần theo thông báo của Ngân hàng và thực hiện theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 3 ngân hàng: BIDV, Vietcombank, Vietinbank + biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2019/3855530/HĐBĐ ngày 30/8/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

20. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
- Tăng vốn từ hợp nhất	1.303.689.700.000	-	-	1.303.689.700.000
- Quỹ hình thành từ hợp nhất	-	4.618.809.877	-	4.618.809.877
- Lỗ từ hợp nhất	-	-	(624.195.888.096)	(624.195.888.096)
Tại 0h ngày 01/11/2024	1.303.689.700.000	4.618.809.877	(624.195.888.096)	684.112.621.781

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại 0h ngày 01/11/2024	
	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ %
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.137.762.540.000	87,27%
- Các đối tượng khác	165.927.160.000	12,73%
	1.303.689.700.000	100%

c) Cổ phiếu

	Tại 0h ngày 01/11/2024
	Cổ phiếu
Số lượng CP đăng ký phát hành	130.368.970
Số lượng CP đã bán ra công chúng	130.368.970
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	130.368.970
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	130.368.970
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	130.368.970
(*) <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000

d) Các quỹ của Doanh nghiệp

	Tại 0h ngày 01/11/2024
	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	4.618.809.877
Cộng	4.618.809.877

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại 0h ngày 01/11/2024
- Ngoại tệ các loại (USD)	200,00
- Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	7.514.026.770
+ Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	2.950.015.361
+ Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	4.564.011.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau thời điểm hợp nhất doanh nghiệp**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau thời điểm 0h ngày 01/11/2024 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Bảng cân đối kế toán.

2. Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đường sắt, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh và trong tổng tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. Những thông tin khác**a) Quản lý sử dụng đất tại Công ty**

Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội (trước hợp nhất) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội; sau cổ phần hóa, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ khoảng 87,27% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội; đồng thời, một số lô đất được giao, được thuê sử dụng chuyển giao cổ phần hóa tính vào vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội đang do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam ký kết và chưa được chuyển giao ký lại các hợp đồng thuê đất trực tiếp giữa Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội và cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương. Theo đó, ngoài tiền thuê đất, tiền thuế đất phải nộp trực tiếp cho cơ quan thuế, Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội phải nộp tiền thuê đất, tiền thuế đất thông qua Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

b) Hợp nhất doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt đã hoàn thành việc hợp nhất Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn theo phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 07/4/2022 và Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn đến năm 2025. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0110879376 vào ngày 01/11/2024. Trụ sở chính của Công ty tại số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 1.303.689.700.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

3. Những thông tin khác (tiếp)

c) Thông tin về tranh chấp, kiện tụng

Theo Bản án phúc thẩm số 177/2021/KDTM-PT ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội và trên cơ sở nguyên tắc thận trọng của Chuẩn mực kế toán: Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội đã ghi nhận vào chi phí năm 2021 số tiền là 18.267.444.877 đồng (bao gồm khoản phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển Hàng hóa Ý Minh về bồi thường thiệt hại do vi phạm Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16/12/2008 là 17.623.809.695 đồng và tiền khai thác 51 toa xe từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019 là 643.635.182 đồng).

Ngày 29/6/2022, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định số 16/2022/KN-KDTM kháng nghị giám đốc, đề nghị Ủy ban Thẩm phán cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 177/2021/KDTM ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội và hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm 06/2022/KDTM-ST ngày 26/01/2021 và ngày 01/02/2021 của Tòa án Nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, giao Tòa án Nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán này, chưa có kết luận của giám đốc thẩm.

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu



Đới Văn Toàn

Kế toán trưởng



Lương Văn Chiến

Tổng Giám đốc



Đào Anh Tuấn